

Số: 53/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định con cho cha

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Ái

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Tuấn Anh- Thư ký viên chính

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thảo Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 258/2026/TLST- VDS ngày 22 tháng 4 năm 2026, về việc: Yêu cầu xác định con cho cha theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Cụ Đỗ Phan B, sinh năm 1932;

CCCD số: 033032000410 cấp ngày 01/5/2021

Nơi cư trú: thôn C, xã P, tỉnh Hưng Yên;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1963; CCCD số : 033063009105 cấp ngày 24/6/2021; Quê quán; xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Hiện cư trú tại: số A, ngách B H, L, phường N, thành phố Hà Nội

+ Cụ Đỗ Thị M, sinh năm 1944 và cụ Trịnh Xuân B1 sinh năm 1942; Quê quán: B, A, Hưng Yên; Đều trú tại: 105-CT5; TT G, phường G, Tp ..

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 13/4/2026 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là cụ Đỗ Phan B trình bày:

Cụ B và cụ Đỗ Thị M sinh năm 1944 là anh em ruột với nhau, cụ M là em gái cụ. Cụ M lấy cụ Trịnh Xuân B1; Do cụ M và cụ B1 hiếm muộn trong chuyện con cái và do gia đình cụ khi đó đông con nên năm 1970 cụ đã cho con trai mình là ông H làm con nuôi cụ M, cụ B1. Khi gia đình thống nhất để ông H làm con nuôi thì cụ B1, cụ M làm giấy khai sinh cho ông H theo họ T nên ông H khai sinh là Trịnh Xuân H.

Từ khi nhận cụ B1 cụ M làm bố mẹ nuôi do cụ M là em gái nên gia đình hai bên vẫn đi lại và ông H vẫn nhận thức được cụ B là bố đẻ. Sau khi ông H nhận cụ M cụ B1

làm bố mẹ nuôi nên sinh sống và đi công tác ở cùng cụ B1 cụ M trên Hà Nội. Ngoài ông H cụ B còn có 9 người con khác là anh em với ông H là các ông bà: Ông Đỗ Việt H1 sinh năm 1955; Bà Đỗ Thúy Q sinh năm 1957; Bà Đỗ Thị K sinh năm 1959; Bà Đỗ Huyền S, sinh năm 1968; Bà Đỗ Thị L sinh năm 1970; Bà Đỗ Thị H2 sinh năm 1975; Bà Đỗ Thị H3 sinh năm 1980; Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1981; ông Đỗ Quốc H5, sinh năm 1983.

Gần đây do sức khoẻ giảm sút và cũng đã có tuổi nên ông H có nguyện vọng được trở lại họ Đỗ (họ bố đẻ). Ông H có trao đổi và xin phép cụ M, cụ B1 và cụ. Đối với nguyện vọng của ông H là cha mẹ nên các cụ cũng thấu hiểu và đồng thuận. Để thuận theo đạo lý cũng như tâm linh và đáp ứng nguyện vọng tha thiết của ông H, nên cụ B, cụ B1, cụ M cũng nhất trí để ông H mang lại họ Đỗ. Do đó cụ B đề nghị Toà án xem xét xác định ông H là con đẻ của cụ để ông H nhận cha và cải chính mang họ của cụ.

Trước kia khi cho ông H làm con nuôi cụ M cụ B đã để cụ M, khai sinh ông H theo họ chồng cụ M là cụ Trịnh Xuân B1 ngay từ nhỏ. Nay ông H và cụ B đã đi giám định ADN tại trung tâm M2 để làm căn cứ xác định pháp lý xác định quan hệ cha con với ông H. Cụ và gia đình đều mong muốn và tha thiết đề nghị Toà án tạo điều kiện thủ tục giúp ông H đạt được tâm nguyện trở về họ Đ và xác định ông H là con đẻ của cụ B.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Trịnh Xuân H trình bày: Ông Hưng sinh ra ở B, A, Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) là con trai cụ Đỗ Phan B và cụ T1 (cụ T1 đã chết). Cụ Đỗ Phan B, sinh năm 1932 và cụ Đỗ Thị M sinh năm 1944 là anh em ruột với nhau. Cụ M và cụ Trịnh Xuân B1 là vợ chồng; Do cụ M và cụ B1 khó khăn trong chuyện con cái và do gia đình đông con nên năm 1970 cụ B đã cho con trai mình (tức là ông H) làm con nuôi em gái là cụ M, cụ B1. Khi nhận ông làm con nuôi thì cụ B1, cụ M làm giấy khai sinh ông theo họ cụ Trịnh Xuân B1 nên ông mang họ T. Ông H sinh sống và lớn lên cùng cụ B1 và cụ M. Quá trình trưởng thành do mẹ nuôi ông là em gái cụ B nên ông vẫn nhận thức cha đẻ của mình là cụ Đỗ Phan B và vẫn thường xuyên đi lại khi có dịp. Anh chị em ruột ông là con đẻ của cụ Đỗ Phan B vẫn thường xuyên liên lạc và đi lại với ông. Ngoài ông là con đẻ, cụ B còn sinh được 9 người con khác là Ông Đỗ Việt H1 sinh năm 1955; Bà Đỗ Thúy Q sinh năm 1957; Bà Đỗ Thị K sinh năm 1959; Bà Đỗ Huyền S sinh năm 1968; Bà Đỗ Thị L sinh năm 1970; Bà Đỗ Thị H2 sinh năm 1975; Bà Đỗ Thị H3 sinh năm 1980; Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1981; ông Đỗ Quốc H5 sinh năm 1983.

Nay do tuổi đã cao, lá rụng về cội và do trong người có bệnh và muốn tâm lý được thoải mái, phù hợp với tâm linh, huyết thống nên ông muốn được trở về với họ theo cha đẻ của mình là cụ Đỗ Phan B. Khi cụ B làm thủ tục nhận cha con và muốn ông được trở về họ Đỗ tại Toà án, ông đã trao đổi với cả bố mẹ nuôi của mình là cụ Đỗ Thị M, cụ Trịnh Xuân B1. Các cụ đã đồng thuận, nhất trí không ý kiến gì. Để có căn cứ pháp lý, ông đã xét nghiệm ADN giữa ông với cụ Đỗ Phan B và có kết luận: có quan hệ huyết thống Cha - Con. Do vậy, ông H nhất trí và cũng tha thiết đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên giải quyết công nhận: xác định ông là con đẻ của cụ Đỗ Phan B để ông trở về họ Đ và nhận tổ quy tông, phù hợp với đạo lý người Việt và để tâm lý được thoải mái, phù hợp với tâm linh.

Ông H được Toà án thông báo về việc trả lời phúc tra của TAND Khu vực 1 - Hưng Yên đối với Công ty TNHH M2. Địa chỉ: Phòng khám Đ1 - Cầu G, Hà Nội. Số 02 ngõ H phố D, phường C, thành phố Hà Nội. Công văn của M2 xác định tính trung thực của kết luận giám định và cho biết Kết luận giám định AND giữa ông và cụ Đỗ Phan B có quan hệ huyết thống Cha - Con. Quan điểm của ông nhất trí và đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên sớm quyết định việc xác định cụ B là cha đẻ của ông để ông làm thủ tục cải chính về họ Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các cụ Đỗ Thị M và Trịnh Xuân B1 cung cấp: Cụ M và cụ B1 là vợ chồng, cụ M là em ruột với ông Đỗ Phan B ở C, xã P, tỉnh Hưng Yên; Cụ M và cụ B1 kết hôn với nhau đã lâu và chưa có con chung, khi đó anh trai hai cụ là ông Đỗ Phan B gia đình đông con nên hai cụ có ngỏ ý nhận ông H làm con nuôi. Năm 1970 khi đó ông H được chừng 7 tuổi thì hai cụ nhận ông H làm con nuôi và có đăng ký khai sinh cho ông H theo họ T. Từ khi nhận ông H làm con nuôi thì ông H ở và sinh sống cùng các cụ. Sau này đi công tác hay trong giấy tờ đều ghi họ tên ông H theo họ T.

Do cụ M và cụ B là anh em ruột nên khi cho ông H làm con nuôi hai cụ thì gia đình hai bên vẫn đi lại và ông H vẫn nhận biết được cụ B là cha đẻ của mình (cụ Thanh mẹ đẻ ông H đã chết năm 1978) và vẫn đi lại cũng như giữ liên lạc. Gần đây do sức khỏe giảm sút và cũng đã có tuổi ông H có nguyện vọng được trở lại họ bố đẻ nên có trao đổi và xin phép hai cụ. Đối với nguyện vọng của ông H hai cụ là cha mẹ nên cũng thấu hiểu và đồng thuận vì dễ thuận theo đạo lý cũng như tâm linh và đáp ứng nguyện vọng tha thiết của ông H, cụ B và gia đình nên hai cụ cũng nhất trí và đề nghị Toà án xem xét tạo điều kiện để ông H nhận cha và cải chính mang họ Đỗ.

Khi còn nhỏ ông H chưa khai sinh nên khi nhận hai cụ làm cha mẹ nuôi thì đăng ký khai sinh ông H mang luôn họ Trịnh và sau đó các giấy tờ nhân thân của ông H cũng đều mang họ T. Nay ông H và cụ B đã đi giám định AND tại trung tâm M2 để làm căn cứ xác định pháp lý cho ông H nhận cha và kết luận giám định ADN giữa ông H và ông B có quan hệ huyết thống Cha - con nên hai cụ và gia đình đều mong muốn và tha thiết đề nghị Toà án tạo điều kiện về mặt thủ tục giúp cụ B và ông H đạt được tâm nguyện trở về họ Đỗ. Là cha mẹ nuôi của ông H, các cụ nhất trí và cam đoan không có ý kiến gì phản đối việc này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của các ông bà là con của cụ B (anh chị em với ông H) gồm: Ông Đỗ Việt H1 sinh năm 1955; Trú tại: B ngách I V - Phường N - Hà Nội; Bà Đỗ Thúy Q sinh năm 1957; Trú tại: Số nhà C - T - Phường H - Hải Phòng; Bà Đỗ Thị K sinh năm 1959; Trú tại: C - Xã P - Hưng Yên; Bà Đỗ Huyền S 1968; Trú tại: Thôn T - Xã N - TP Hải Phòng; Bà Đỗ Thị L sinh năm 1970; Trú tại: B - Tổ D - Phố Đ - Phường L - TP Hải Phòng; Bà Đỗ Thị H2 sinh năm 1975; Trú tại: Thôn E P - Xã H - Thanh Hóa; Bà Đỗ Thị H3 sinh năm 1980; Trú tại: Tổ A, B - Phường B - Hà Nội; Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1981; Trú tại: TDP N, Xã G - TP Hà Nội; ông Đỗ Quốc H5, sinh năm 1983. Trú tại: P Nhà C CC Bộ C, Phường V - TP Hà Nội, các ông bà cung cấp: các ông bà đều là con của cụ Đỗ Phan B sinh năm 1932; nơi cư trú: thôn C, xã P tỉnh

Hưng Yên. Sau khi được biết tâm nguyện của ông Trịnh Xuân H và cụ B muốn nhận lại cha đẻ và mang họ Đỗ nên các ông, bà dù ở xa cũng tụ tập đông đủ đến Tòa án để cung cấp quan điểm của mình về việc cụ B muốn nhận lại con đẻ là ông H. Đối với quan điểm của cụ B, ông H anh chị em thống nhất đều cung cấp như sau: bố đẻ các ông bà là cụ Đỗ Phan B vì gia đình đông con, cụ M là em gái ruột của cụ B lấy cụ Trịnh Xuân B1 nhưng chưa có con nên có để ông H làm con nuôi cụ M cụ B1 nên ông H khai sinh và để tên họ T là Trịnh Xuân H. Ông H sinh năm 1963 khi được cho làm con nuôi cụ M, cụ B1 khi đó mới được khoảng 7 tuổi (vì anh chị em vẫn đi lại liên lạc với nhau nên sau này lớn lên thì các ông bà đều rõ ngọn nguồn). Sau khi nhận cụ B1 và cụ M làm bố mẹ thì ông H sinh sống cùng cụ M, cụ B1. Lớn lên ông H đi công tác cũng ở cùng hai cụ B1 và cụ M. Dù nhận làm con nuôi cụ M nhưng do cụ M là em gái cụ B lên anh chị em chúng tôi vẫn biết ông H là anh em ruột với mình và liên lạc với nhau. Gần đây do sức khỏe giảm sút, tuổi cũng đã cao nên ông H có tâm nguyện muốn mang lại họ của bố đẻ là cụ Đỗ Phan Bôi . Do cụ B, cụ M, cụ B1 còn minh mẫn và tỉnh táo, được sự nhất trí cao trong gia đình nên anh chị em chúng tôi cũng tha thiết đề nghị Tòa án công nhận quan hệ cha con của cụ B và ông H. Do ngay từ nhỏ được cho làm con nuôi nên ông H không còn căn cứ xác định cụ B là cha đẻ. Để có căn cứ gia đình đã giám định ADN của cụ B với ông H để làm căn cứ pháp lý giúp xác định cha con cho ông H. Là con đẻ của cụ B và anh em với ông H, các ông bà tụ tập tại Tòa thống nhất đề nghị Tòa án tạo điều kiện sớm quyết định xác định ông H là con của cụ Đỗ Phan B, các ông bà không có ý kiến gì phản đối cũng như ý kiến gì khác về việc này.

Ngày 24/4/2026, TAND khu vực 1- Hưng Yên có công văn trao đổi yêu cầu Phòng khám Đ1- Công ty TNHH M2 cung cấp thông tin và tính xác thực của việc phân tích ADN giữa cụ B và ông H có quan hệ huyết thống là cha- con.

Ngày 29/4/2026, TAND khu vực 1- Hưng Yên nhận được công văn phúc đáp của Phòng khám Đ1- Công ty TNHH M2 cung cấp: quy trình thu mẫu xét nghiệm phân tích ADN và kết quả xét nghiệm đảm bảo đúng quy định pháp luật và đều có mặt cụ B, ông H cung cấp mẫu. Kết quả phân tích ADN huyết thống cho kết quả giữa cụ B và ông H có quan hệ huyết thống : Cha - con. Đây là kết quả của xét nghiệm theo quy trình giám định ADN tại thông tư: 42/2024/TT-BYT ngày 02/12/2024. Về cơ sở pháp lý: Phòng khám Đ1- Công ty TNHH M2 là cơ sở khám chữa bệnh được Sở Y cấp phép hoạt động số 3066/HNO-GPHD/CL2 ngày 23/10/2025 và được phép thực hiện chức năng phân tích xét nghiệm ADN.

Tại phiên họp ngày 18/4/2026: cụ B và ông H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán: Thư ký, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51, 363, 365, 366, 367, 369 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết việc dân sự.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Căn cứ pháp luật và quan điểm giải quyết:

- Căn cứ khoản 10 Điều 29; Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 101, 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xác định cụ Đỗ Phan B, sinh năm 1932, trú tại thôn C, xã P, tỉnh Hưng Yên là cha đẻ của ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1963, trú tại Số A, ngách B H, L, phường N, thành phố Hà Nội.

- Về lệ phí: cụ B được miễn nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Cụ Đỗ Phan B yêu cầu Tòa án giải quyết xác định Ông Trịnh Xuân H là con, đây là việc hôn nhân và gia đình. Hiện cụ B có địa chỉ cư trú tại: thôn C, xã P, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 10 Điều 29; Điều 35; khoản 2 Điều 39, Tòa án Khu vực 1- Hưng Yên có thẩm quyền giải quyết việc dân sự.

Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Cụ B và ông H đều có đơn xin vắng mặt nên áp dụng khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung việc dân sự và yêu cầu của cụ Đỗ Phan B:*

Căn cứ vào toàn bộ tài liệu, lời khai của đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và kết quả giám định ADN có trong hồ sơ vụ việc, có đủ cơ sở xác định ông Trịnh Xuân H là con đẻ của cụ Đỗ Phan B, bởi các lẽ sau:

Thứ nhất, về nguồn gốc và quá trình hình thành quan hệ nuôi con nuôi:

Các lời khai của cụ Đỗ Phan B, ông Trịnh Xuân H, cụ Đỗ Thị M, cụ Trịnh Xuân B1 cùng toàn bộ anh chị em ruột của ông H đều thống nhất, phù hợp với nhau về nội dung: cụ B là anh ruột của cụ M; do cụ M và cụ B1 hiếm muộn con cái, trong khi gia đình cụ B đông con nên năm 1970 cụ B đã cho con trai mình là ông H làm con nuôi của cụ M và cụ B1. Khi nhận nuôi, cụ M và cụ B1 đã đăng ký khai sinh cho ông H theo họ T của cụ B1 nên ông H mang tên Trịnh Xuân H. Đây là sự kiện diễn ra công khai, liên tục, được toàn bộ gia đình hai bên thừa nhận và không có ai tranh chấp, phản đối.

Thứ hai, mặc dù được nhận làm con nuôi và mang họ Trịnh nhưng quan hệ huyết thống giữa cụ B và ông H vẫn luôn được các thành viên trong gia đình nhận thức và thừa nhận.

Các đương sự đều xác định rằng do cụ M là em ruột của cụ B nên sau khi cho làm con nuôi, hai gia đình vẫn thường xuyên qua lại, liên hệ với nhau; ông H từ nhỏ đã biết cụ B là cha đẻ của mình; các anh chị em ruột của ông H là con đẻ của cụ B vẫn duy trì quan hệ anh em, thăm hỏi và liên lạc thường xuyên với ông H. Điều này thể hiện quan hệ cha con giữa cụ B và ông H tồn tại trên thực tế một cách khách quan, liên tục và được gia đình, dòng họ thừa nhận ổn định trong thời gian dài.

Thứ ba, toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác nhận ông H là con đẻ của cụ B.

Cụ Đỗ Thị M và cụ Trịnh Xuân B1 là cha mẹ nuôi của ông H đều xác nhận việc nhận ông H làm con nuôi từ nhỏ và xác định cụ B là cha đẻ của ông H. Đồng thời, các cụ hoàn toàn đồng thuận, không có ý kiến phản đối việc ông H nhận lại cha đẻ và trở về họ Đỗ.

Ngoài ra, 09 người con còn lại của cụ B gồm các ông bà: ông Đỗ Việt H1, bà Đỗ Thúy Q, bà Đỗ Thị K, bà Đỗ Huyền S, bà Đỗ Thị L, bà Đỗ Thị H2, bà Đỗ Thị H3, bà Đỗ Thị H4 và ông Đỗ Quốc H5 đều thống nhất xác nhận ông H là anh em cùng cha với mình; đồng thời đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ cha con giữa cụ B và ông H. Những lời khai này có sự phù hợp, thống nhất và không mâu thuẫn với các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Thứ tư, kết quả giám định ADN là chứng cứ khoa học trực tiếp, khách quan xác định quan hệ huyết thống cha - con giữa cụ B và ông H.

Ông H và cụ B đã thực hiện giám định ADN tại Phòng khám Đ1 thuộc Công ty TNHH M2. Tại bản kết quả phân tích ADN huyết thống số HID2604153 ngày 13/4/2026 và Bảng kết quả chi tiết của Phòng khám Đ1 số 11 - Cầu G, Hà Nội Kết luận giữa ông Trịnh Xuân H và cụ Đỗ Phan B có cùng quan hệ huyết thống cha - con trai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên đã có công văn xác minh đối với M2 và được đơn vị này phúc đáp xác nhận quy trình thu mẫu, xét nghiệm ADN được thực hiện đúng quy định pháp luật; cụ B và ông H trực tiếp có mặt cung cấp mẫu; kết quả xét nghiệm được thực hiện theo Thông tư số 42/2024/TT-BYT ngày 02/12/2024 của Bộ Y1. Đồng thời, M1 là cơ sở y tế được cấp phép hoạt động và được phép thực hiện chức năng phân tích ADN. Do đó, kết luận giám định ADN là chứng cứ hợp pháp, có giá trị chứng minh cao và là căn cứ khoa học xác định quan hệ cha con giữa cụ B và ông H.

Thứ năm, việc xác định cha con trong trường hợp này phù hợp với đạo lý, thực tế khách quan và không làm phát sinh tranh chấp.

Việc ông H mang họ T xuất phát từ việc được cho làm con nuôi từ nhỏ, không phải phủ nhận nguồn gốc huyết thống với cụ B. Nay khi tuổi cao, sức khỏe giảm sút, ông H có nguyện vọng được nhận lại cha đẻ, trở về họ Đỗ để phù hợp với huyết thống, truyền thống gia đình, đạo lý và tâm linh người Việt Nam. Nguyện vọng này được cụ B, cụ M, cụ B1 cùng toàn thể anh chị em trong gia đình đồng thuận, thống nhất và không có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định ông Trịnh Xuân H là con đẻ của cụ Đỗ Phan B; việc cụ B và ông H yêu cầu xác định cha - con và cải chính hộ tịch để ông H mang họ Đỗ là có căn cứ pháp luật, phù hợp thực tế khách quan, đạo lý xã hội và cần được Tòa án chấp nhận, phù hợp với quy định tại các điều 88, 91, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Cụ Đỗ Phan B có đơn xin miễn lệ phí nên căn cứ điều 36 Nghị quyết số ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn lệ phí cho cụ B.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 10 Điều 29, Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 88, 91, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của cụ Đỗ Phan B về việc xác định con cho cha.

Xác định cụ Đỗ Phan B, sinh năm 1932; CCCD số: 033032000410 cấp ngày 01/5/2021; Nơi cư trú: thôn C, xã P, tỉnh Hưng Yên là cha đẻ của ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1963; CCCD số : 033063009105 cấp ngày 24/6/2021; Quê quán; xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Hiện cư trú tại: số A, ngách B H, L, phường N, thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành cải chính hộ tịch theo quy định.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: cụ Đỗ Phan B được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Hoàng Thị Á

